

HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP HỆ THỐNG CỔNG THANH TOÁN VIETCOMBANK NÂNG CAO

version 1.0

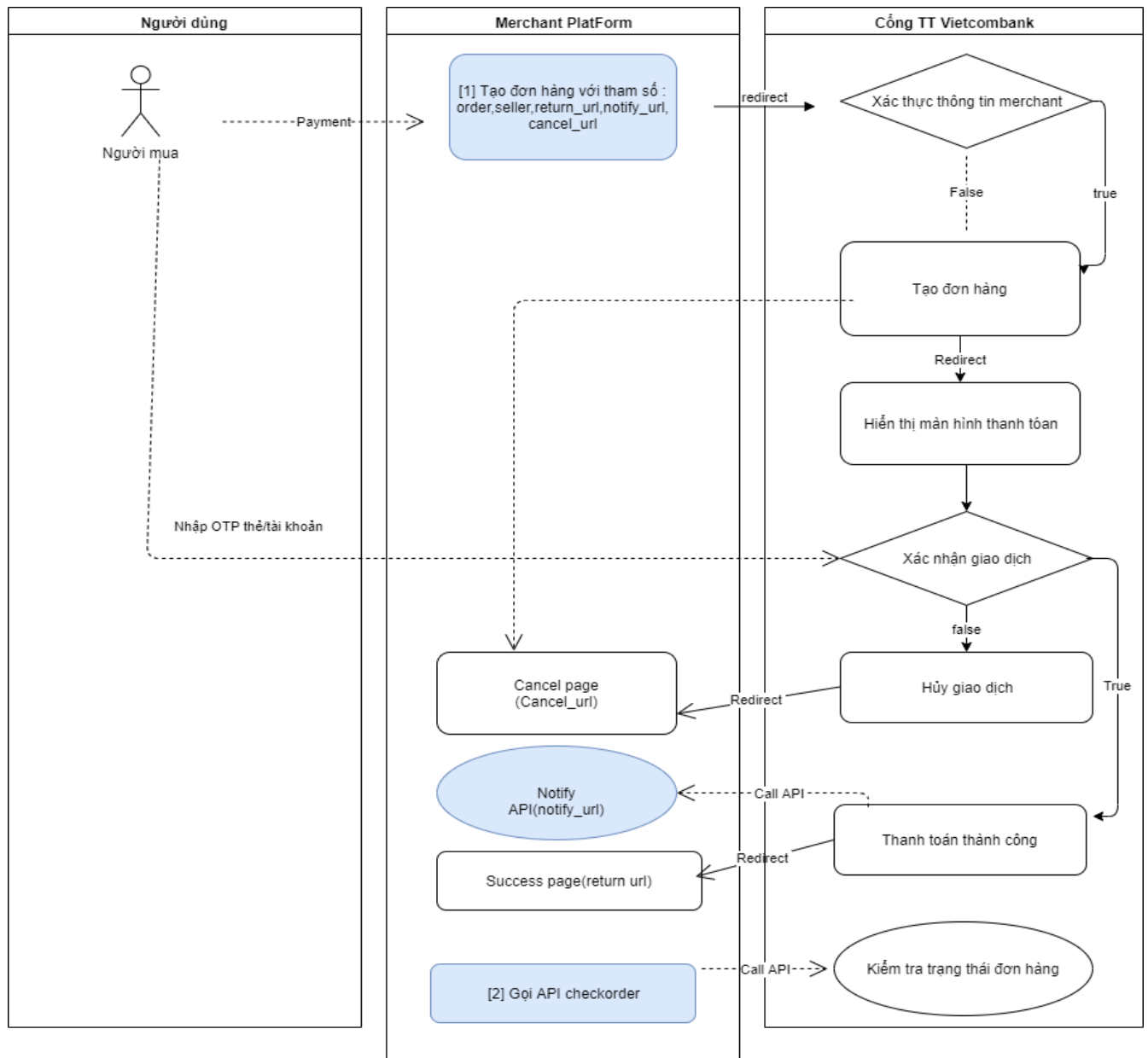
MỤC LỤC

I. Giới thiệu quy trình	3
1. Sơ đồ quy trình luồng thanh toán	3
2. Mô tả chi tiết	3
3. Thông tin tài khoản test môi trường sandbox	6
II. Function APIs	8
1. Tạo đơn hàng	8
2. Luồng thông báo kết quả giao dịch	10
3. Check Order	12
4. Lấy mã bankcode của các phương thức ATM, IB, QRCODE	14
III. Bảng chi tiết mã lỗi	16

I. Giới thiệu quy trình

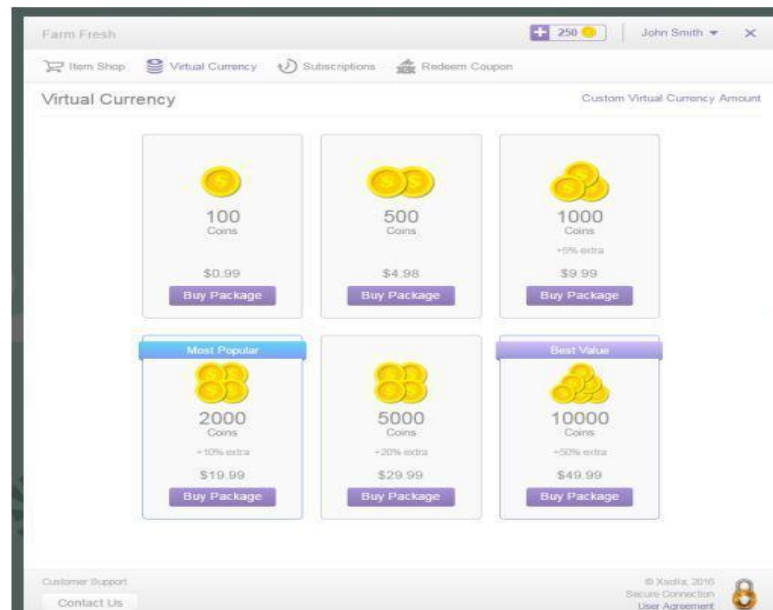
Khi Merchant tích hợp API CỔNG THANH TOÁN VIETCOMBANK, khách hàng sẽ chọn các phương thức thanh toán (bao gồm: **ATM_CARD**, **IB_ONLINE**, **WALLET**, **CREDIT-CARD**, **QR-CODE**) trên Cổng thanh toán Vietcombank. Và sau đó, khách hàng sẽ điền các thông tin ngân hàng hoặc ví, trên các màn hình thanh toán của các phương thức đã chọn.

1. Sơ đồ quy trình luồng thanh toán



2. Mô tả chi tiết

- Bước 0: Khách hàng điền thông tin của mình trên site của Merchant.



- Bước 1: Merchant gửi thông tin đơn hàng của mình đến API Cổng thanh toán Vietcombank bằng phương thức POST. Nếu hợp lệ Cổng thanh toán Vietcombank sẽ trả về link thanh toán và trình duyệt sẽ điều hướng về link thanh toán.

A screenshot of a payment interface. At the top left is a "LOGO" with the text "Website/ứng dụng". Below it, the heading "Chọn phương thức thanh toán" (Choose payment method) is followed by three options: "Thanh toán bằng thẻ ATM" (Pay by ATM card), "Thanh toán bằng tài khoản Internet Banking Ngân hàng" (Pay by Internet Banking account), and "Thanh toán bằng ví điện tử" (Pay by e-wallet). Each option has a dropdown arrow. On the right, there's a "Test Account" section with a placeholder image and the text "Test Account". Below this, the "Thông tin đơn hàng" (Order information) section displays: "Mã hóa đơn: TEST1531129325", "Mô tả:" (Description:), "Giá trị đơn hàng: 20,000 VND" (Order value: 20,000 VND), and a "Hủy đơn hàng" (Cancel order) button.

- Bước 2: Khách hàng chọn phương thức thanh toán (ATM, Internet Banking or E-Wallet,...), và sau đó chọn Ngân hàng (hoặc Ví) để thanh toán.

LOGO
Website/ứng dụng

Chọn phương thức thanh toán

Thanh toán bằng thẻ ATM

Thanh toán bằng tài khoản Internet Banking Ngân hàng

BIDV DONGA Bank TECHCOMBANK Vietcombank

Thanh toán bằng ví điện tử

Test Account

Thông tin đơn hàng

Mã hóa đơn: TEST1531129325

Mô tả:

Giá trị đơn hàng: 20,000 VND

Hủy đơn hàng

- Bước 3: Cổng thanh toán Vietcombank sẽ khởi tạo đơn hàng trên Ngân hàng/Ví.

LOGO
Website/ứng dụng

Chọn phương thức thanh toán

Thanh toán bằng thẻ ATM

Thanh toán bằng tài khoản Internet Banking Ngân hàng

Thanh toán bằng ví điện tử

Test Account

Thông tin đơn hàng


Mã hóa đơn: TEST1531129325

Mô tả:

Giá trị đơn hàng: 20,000 VND

Hủy đơn hàng

- Bước 4: Trên website của Ngân hàng/Ví, khách hàng cần xác thực các thông tin để hoàn thành việc thanh toán.


Payment Gateway

HỢP ĐỒNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

Điều 1. Dịch vụ

Vietcombank cung cấp cho Khách hàng dịch vụ Ngân hàng điện tử bao gồm: dịch vụ Ngân hàng trực tuyến VCB-IB@nking, dịch vụ Ngân hàng qua điện thoại VCB PhoneB@nking, dịch vụ Ngân hàng qua tin nhắn di động VCB SMS-B@nking và các dịch vụ Ngân hàng điện tử khác mà Vietcombank cung cấp từng thời kỳ (sau đây gọi tắt là "Dịch vụ").

Điều 2. Cam kết của Khách hàng

2.1. Thực hiện các hướng dẫn về Dịch vụ do Vietcombank cung cấp.

2.2. Trừ khi đã thông báo trước cho Vietcombank theo khoản mục 6.3 và 6.8 tại Điều 6 của Hợp đồng này, Khách hàng thừa nhận rằng bất cứ hành động truy cập nào vào dịch vụ Ngân hàng điện tử bằng tên truy cập với đúng mật khẩu truy cập và/hoặc các yếu tố định danh khác do Vietcombank cấp cho Khách hàng đều được coi là Khách hàng truy cập.

2.3. Đồng ý cung cấp tất cả thông tin mà Vietcombank yêu cầu phục vụ cho việc cung ứng dịch vụ. Khách hàng đảm bảo rằng tất cả các thông tin cung cấp cho Vietcombank là chính xác, đầy đủ, trung thực và cập nhật.

2.4. Trong trường hợp sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử qua điện thoại di động, thư điện tử, Khách hàng đồng ý rằng:

a) Thông báo ngay cho Vietcombank bất kỳ sự thay đổi gì liên quan đến địa chỉ thư điện tử, số điện thoại di động của mình (cho dù những thay đổi này phát sinh do việc thay đổi số điện thoại mới, hoặc việc ngừng sử dụng dịch vụ với nhà cung cấp, hoặc là do điện thoại di động của Khách hàng bị mất, hoặc vì bất kỳ lý do nào khác). Trừ khi nhận được thông báo thay đổi của Khách hàng, Vietcombank sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ qua địa chỉ email hoặc số điện thoại di động mà Khách hàng đã đăng ký.

b) Tin nhắn được coi là đã gửi cho Khách hàng nếu việc gửi tin này đã được thực hiện bởi nhà cung cấp dịch vụ bất kể Khách hàng có thực sự nhận được tin nhắn hay không.

Đăng nhập hệ thống

Tên truy cập

Mật khẩu

BFB26A

Nhập số trên

Đăng nhập

- Bước 5: Sau khi thanh toán thành công , trình duyệt sẽ điều hướng về trang thành công của Cổng thanh toán Vietcombank, và sau đó sẽ điều hướng về return_url của Merchant.

PAYMNET SUCCESS



You've successfully paid **2.000.000 VND** for sale
sent notify to the seller by email and SMS to make the commitment agreement with you

Thank you for using the services



Your invoice is automatically updated

Please **DO NOT CLOSE YOUR BROWSER!**

3. Thông tin tài khoản test môi trường sandbox

- Thông tin Merchant
 - Merchant site code: 7
 - Mật khẩu kết nối: 123456789
- Tài khoản đăng nhập
 - Email login: vcb-test@yopmail.com
 - Mật khẩu đăng nhập: 123456789
- Thẻ ATM test thanh toán ngân hàng EXB
 - Tên chủ thẻ: NGUYEN VAN A
 - Số thẻ ATM: 9704111111111111

- Mã xác thực (OTP): 123456
- QRCODE: Ngân hàng VCB
- Thẻ quốc tế: Thẻ VISA
- Tên chủ thẻ: NGUYEN VAN A
- Số thẻ VISA: 400000 00 0000 1091
- CVV: 123

II. Mô tả các API

1. Tạo đơn hàng

- Server Merchant gọi đến Api Cổng thanh toán Vietcombank, để gửi thông tin đơn hàng. Cổng thanh toán Vietcombank sẽ tạo một đơn hàng thanh toán và trả về URL, trình duyệt của khách hàng sẽ điều hướng để hoàn tất thanh toán.
- Sử dụng phương thức POST (form-data) để gửi dữ liệu
- **URL Live:** https://vietcombank.nganluong.vn/api/web/checkout/version_1_0/
- **URL Sandbox (môi trường test):** https://sandbox2.nganluong.vn/vietcombank-checkout/vcb/api/web/checkout/version_1_0

Tham số gửi lên		
Tham số	Kiểu dữ liệu	Mô tả chi tiết
function (*)	String(255)	Tên hàm (CreateOrder)
merchant_site_code (*)	String(10)	Mã đăng ký của merchant với cổng kết nối (Mã kết nối)
order_code (*)	String(150)	Mã đơn hàng được tạo bởi Merchant. Đây là trường duy nhất đối với mỗi đơn hàng merchant gửi lên.
order_description	string(255)	Mô tả đơn hàng (có thể để trống)
amount (*)	Float	Tổng số tiền của đơn hàng (≥ 2000)
currency (*)	string(3)	Loại tiền tệ (VND)
buyer_fullname(*)	String(255)	Họ tên người mua
buyer_email(*)	String(255)	Email người mua
buyer_mobile(*)	String(11)	Số điện thoại người mua
buyer_address(*)	String(500)	Địa chỉ người mua
return_url (*)	String(500)	Đường link thanh toán thành công. Khi giao dịch thành công sẽ điều hướng về link này.

cancel_url(*)	String(500)	Link hủy thanh toán, khi người dùng bấm vào nút hủy thanh toán
notify_url	String(500)	Link nhận kết quả trả về (server to server), sau khi thanh toán thành công
language (*)	String(3)	Ngôn ngữ hiển thị trên trang thanh toán của Cổng thanh toán Vietcombank Cổng thanh toán Vietcombank nhận 1 trong hai giá trị vi và en (mặc định là vi)
version		1.0
payment_method_code		Phương thức thanh toán nhận các giá trị sau: QRCODE: Thanh toán bằng việc quét mã QR IB-ONLINE: Thanh toán bằng Internet Banking ATM-CARD: Thanh toán bằng thẻ ATM CREDIT-CARD: Thanh toán bằng thẻ CREDIT WALLET: Thanh toán bằng ví điện tử
bank_code		Mã ngân hàng cho phép user thực hiện thanh toán bằng QRCODE (data có được sau khi gọi api): POST/ GetBanks
checksum (*)	string(100)	checksum = MD5(merchant_site_code + ' ' + order_code + ' ' + order_description + ' ' + amount + ' ' + currency + ' ' + buyer_fullname + ' ' + buyer_email + ' ' + buyer_mobile + ' ' + buyer_address + ' ' + return_url + ' ' + cancel_url + ' ' + notify_url + ' ' + language + ' ' + merchant_passcode) merchant_passcode : Mật khẩu kết nối của merchant_site_code

- **Chú ý:** (*) Tham số này không được để rỗng.

Dữ liệu trả về (JSON)

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
result_code	String(4)	‘0000’ : Thành công Mã lỗi khác (Xem trong bảng: Bảng chi tiết mã lỗi)
result_message	String(500)	Tên lỗi
result_data	Array	Là một mảng bao gồm các trường: <ul style="list-style-type: none"> ● checkout_url: Link thanh toán ● token_code: Mã duy nhất của đơn hàng thanh toán. Mã này sẽ được sử dụng ở API CheckOrder để lấy trạng thái của đơn hàng trên cổng thanh toán

2. Luồng thông báo kết quả giao dịch

- Cổng thanh toán Vietcombank sẽ gọi Notify đến server Merchant để thông báo kết quả của giao dịch.
- Sử dụng phương thức GET (urlencoded) để gửi dữ liệu

Tham số truyền lên		
Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
token_code	String(255)	Mã duy nhất của đơn hàng thanh toán trên Cổng thanh toán Vietcombank
version	String(10)	Checkout version của Cổng thanh toán Vietcombank đã gửi ở api CreateOrder . (Version hiện tại là 1.0)
order_code (*)	String(150)	Order ID tạo bởi merchant
order_description	String(255)	Mô tả đơn hàng (có thể trống)
amount (*)	Float	Tổng số tiền (bao gồm cả phí) (≥ 2000)
currency (*)	String(3)	Loại tiền tệ (VND)

payment_method_code	String(20)	Mã phương thức đã được khách hàng lựa chọn để thanh toán. Nhận một trong các giá trị “IB-ONLINE” , “CREDIT-CARD” , “QR-CODE” , “ATM-CARD” hoặc “WALLET” .
payment_method_name	String(255)	Tên phương thức đã được khách hàng lựa chọn để thanh toán
sender_fee	Float	Phí dịch vụ thanh toán của cổng mà người mua cần trả dựa vào cấu hình Merchant
receiver_fee	Float	Phí dịch vụ thanh toán tính theo giá trị đơn hàng (người bán sẽ nhận được giá trị ít hơn giá trị đơn hàng) và dựa vào cấu hình Merchant.
status	String(11)	Trạng thái giao dịch, nhận 1 trong các giá trị: <ul style="list-style-type: none"> ○ 1: Chưa thanh toán ○ 2: Đang thanh toán ○ 3: Đã thanh toán (khi giao dịch hoàn thành, Merchant có thể trả sản phẩm về cho khách hàng) ○ 4: Đã Hủy ○ 5: Bị Review (áp dụng với các giao dịch của thẻ quốc tế, giao dịch bị review cần phải có sự xác nhận của nhà phát hành thẻ để chắc chắn rằng giao dịch không bị rủi ro) ○ 6: Đang hoàn tiền ○ 7: Đã hoàn tiền ○ 8: Đã thanh toán đợi duyệt trả góp ○ 12: Thất bại
return_url (*)	String(500)	Đường link thanh toán thành công, khi giao dịch thành công sẽ điều hướng về link này
cancel_url(*)	String(500)	Link hủy thanh toán, khi người dùng bấm vào nút hủy thanh toán
notify_url	String(500)	Link nhận kết quả trả về qua server sau khi thanh toán thành công

checksum (*)	String(255)	Checksum = MD5(token_code+ ' ' + version+ ' ' + order_code + ' ' + order_description + ' ' + amount + ' ' + sender_fee + ' ' + receiver_fee+ ' ' + currency + ' ' + return_url + ' ' + cancel_url + ' ' + notify_url + ' ' + status + ' ' + payment_method_code + ' ' + payment_method_name + ' ' + merchant_passcode) merchant_passcode: Mật khẩu kết nối của merchant_site_code
--------------	-------------	--

- **Chú ý:**

- (*) Trường này không được trống.
- **Merchant nên trả về giá trị “0000” ở dữ liệu trả về nếu thành công để lấy được dữ liệu Notification.**

Ví dụ: {"result_code":"0000","result_message":"OK"}

3. Check Order

- Merchant sẽ gọi đến server của Cổng thanh toán Vietcombank, để kiểm tra trạng thái của đơn hàng đã thanh toán trước đó.
- Sử dụng phương thức POST (form-data) để gửi dữ liệu
 - **URL Live:** https://vietcombank.nganluong.vn/api/web/checkout/version_1_0/
 - **URL Sandbox (môi trường test):** https://sandbox2.nganluong.vn/vietcombank-checkout/vcb/api/web/checkout/version_1_0

Dữ liệu truyền lên		
Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
function (*)	String(255)	Tên hàm (CheckOrder)
merchant_site_code (*)	String(10)	Mã đăng ký của merchant với cổng kết nối (mã kết nối)
token_code (*)	String(50)	Mã duy nhất của đơn hàng thanh toán trên Cổng thanh toán Vietcombank lấy từ API Create Order.

checksum (*)	string(100)	Checksum = MD5(merchant_site_code + ' ' + token_code + ' ' + merchant_passcode) merchant_passcode : Mật khẩu kết nối của merchant_site_code
--------------	-------------	--

- **Chú ý:** (*) Trường này không được để trống.
- Cổng thanh toán Vietcombank sẽ trả về dữ liệu dạng JSON:

Dữ liệu trả về (JSON)		
Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
result_code	String(4)	‘0000’ : Thành công Mã lỗi khác (Xem trong bảng: Bảng chi tiết mã lỗi)
result_message	String(500)	Tên lỗi.
result_data	Array	Một mảng bao gồm các giá trị: <ul style="list-style-type: none"> ● token_code: Mã duy nhất của đơn hàng trên Cổng thanh toán Vietcombank. ● version: Checkout version của Cổng thanh toán Vietcombank được gửi từ API CreateOrder. ● order_code: Mã đơn hàng tạo bởi merchant ● order_description: Mô tả đơn hàng ● amount: Số tiền cần thanh toán (bao gồm cả phí) ● sender_fee: Phí dịch vụ thanh toán mà người mua cần trả trên Cổng thanh toán Vietcombank. ● receiver_fee: Phí dịch vụ thanh toán được tính dựa trên giá trị đơn hàng. ● currency: ‘VND’ ● return_url: Đường link thanh toán thành công mà merchant đã gửi trước đó ● cancel_url: Đường link hủy thanh toán mà merchant đã gửi trước đó.

		<ul style="list-style-type: none"> ● notify_url: Đường link thông báo trạng thái giao dịch mà merchant đã gửi trước đó. ● status: Trạng thái của giao dịch nhận một trong các giá trị: <ul style="list-style-type: none"> ○ 1: Mới tạo ○ 2: Đang thanh toán ○ 3: Đã thanh toán (Khi giao dịch hoàn thành, merchant có thể trả sản phẩm về cho khách hàng) ○ 4: Đã hủy ○ 5: Bị review (áp dụng với các giao dịch của thẻ quốc tế, Giao dịch bị review cần phải có sự xác nhận của nhà phát hành thẻ để chắc chắn rằng giao dịch không bị rủi ro) ○ 6: Đang hoàn tiền ○ 7: Đã hoàn tiền ○ 8: Đã thanh toán , đợi duyệt trả góp (đang nâng cấp) <p><i>Lưu ý: Khi gọi API thì sẽ trả về các trạng thái (1), (2), (3), (4), (5).</i></p> <p><i>Trạng thái (6), (7) chỉ xảy ra khi giao dịch ở trạng thái (3).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> ○ 12: Thất bại ● payment_method_code: Mã phương thức đã được khách hàng lựa chọn để thanh toán. ● payment_method_name: Tên phương thức đã được khách hàng lựa chọn để thanh toán.
--	--	---

4. Lấy mã bankcode của các phương thức ATM, IB, QRCODE

- Ý nghĩa: API cho phép lấy thông tin về danh sách ngân hàng cho phép thanh toán trong trường hợp thanh toán bằng thẻ ATM, Internet Banking, QRCode, Chuyển khoản,...
- Sử dụng phương thức POST (form-data) để gửi dữ liệu
- **URL Live**: https://vietcombank.nganluong.vn/api/web/checkout/version_1_0/
- **URL Sandbox (môi trường test)**:
https://sandbox2.nganluong.vn/vietcombank-checkout/vcb/api/web/checkout/version_1_0
- a. Request data

Dữ liệu truyền lên

Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
function (*)	String(255)	Tên hàm (GetBanks)
merchant_site_code (*)	String(10)	Mã đăng ký của merchant với cổng kết nối (mã kết nối)
checksum (*)	String(50)	Checksum = MD5(merchant_site_code + ' ' + merchant_passcode) merchant_passcode : Mật khẩu kết nối của merchant_site_code

b. Response data

Dữ liệu trả về (JSON)		
Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
result_code	String(4)	'0000' : Thành công Mã lỗi khác (Xem trong bảng: Bảng chi tiết mã lỗi)
result_message	String(500)	Danh sách phương thức thanh toán mà ngân hàng đó hỗ trợ và mã các ngân hàng tương ứng với phương thức thanh toán đó: <ul style="list-style-type: none"> - Code: Mã ngân hàng - logo: đường dẫn Logo ngân hàng - name: Tên ngân hàng

Ví dụ:

```

"result_code":
"0000",
  "result_data": {
    "ATM-CARD": [
      {
        "code": "VCB",
        "logo": "https://vcb-uat-checkout.nganluong.vn/vi/checkout/bank/ie/VCB.png",
        "name": "Thanh toán bằng thẻ ATM ngân hàng Vietcombank" },
    ],
    "IB-ONLINE": [
      {
        "code": "VCB",

```

```
        "logo": "https://vcb-uat-checkout.nganluong.vn/vi/checkout/bank/ie/VCB.png",  
        "name": " Thanh toán bằng tài khoản Internet Banking Ngân  
        hàng VCB" },  
    ],
```

III. Bảng chi tiết mã lỗi

Mã lỗi	Mô tả
0000	Thành công
0001	Lỗi không xác định
0002	Tên hàm không hợp lệ
0003	Merchant_site_code không hợp lệ
0004	Version không hợp lệ
0005	Order_code không hợp lệ
0006	Order_description không hợp lệ
0007	Định dạng số tiền không hợp lệ (Nên để định dạng float, Ví dụ: 10000.00)
0008	Loại tiền tệ không hợp lệ
0009	Buyer fullname không hợp lệ
0010	Buyer_email không hợp lệ
0011	Buyer_mobile không hợp lệ
0012	Buyer_address không hợp lệ
0013	Return_url không hợp lệ
0014	Cancel_url không hợp lệ
0015	Notify_url không hợp lệ
0016	Time_limit không hợp lệ
0017	Mã checksum không hợp lệ
0018	Token_code không hợp lệ

0101	Dữ liệu truyền lên đúng,nhưng không thể tạo đơn hàng cho merchant này
-------------	---